

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66.10/2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 61/2024/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định về cơ chế, chính sách sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức) để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong Nghị quyết này:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông, bao gồm: cột điện, trạm điện, cáp điện ngầm, hành lang kỹ thuật dọc các tuyến đường bộ, đường sắt;

b) Cơ sở hạ tầng viễn thông sử dụng chung là hạ tầng viễn thông thụ động và tuyến, sợi cáp quang.

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn thông tin, bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm tính khả thi về mặt kỹ thuật; không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của tổ chức sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung và người tiêu dùng.

3. Sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm; tránh lãng phí, chồng chéo.

4. Bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn lao động và duy trì hoạt động ổn định của công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung; bảo đảm an toàn điện, duy trì ổn định, liên tục hệ thống kỹ thuật điện, bảo đảm an ninh năng lượng.

Điều 3. Tổ chức sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông (không bao gồm doanh nghiệp quốc phòng, an ninh) gồm:

a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Công ty con do doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản này nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông gồm:

a) Các đơn vị Quân đội;

b) Các đơn vị Công an;

c) Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của tổ chức sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Quyền và trách nhiệm của tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông:

a) Được sử dụng miễn phí các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

Trong trường hợp việc chia sẻ công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông có nội dung kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội với hoạt động sản xuất kinh doanh thì nguyên tắc chia sẻ miễn phí quy định tại Điểm này chỉ áp dụng đối với phần nhiệm vụ trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

b) Có trách nhiệm xác định rõ nhu cầu, phạm vi, thời hạn, địa điểm và mục đích sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;

c) Có trách nhiệm thống nhất với tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông về việc sử dụng chung, trừ các trường hợp khẩn cấp;

d) Phải thông báo trước kế hoạch sử dụng chung cho tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông để có phương án nâng cấp, cải tạo hoặc có phương án dự phòng trong trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông không đáp ứng nhu cầu hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Trường hợp nhu cầu sử dụng của tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông lớn hơn công suất dư thừa, chưa sử dụng của tổ chức sở hữu hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông thì tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông phải trao đổi với tổ chức sở hữu hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông để có phương án nâng cấp, cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông. Kinh phí để thực hiện nâng cấp, cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này.

Trường hợp việc nâng cấp, cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông hiện có không khả thi thì tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông trao đổi với tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông để đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng viễn thông mới; kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông mới thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này.

đ) Có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi, tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm an toàn kỹ thuật, không làm gián đoạn hoạt động bình thường của doanh nghiệp; có trách nhiệm tham gia, phối hợp bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông trong suốt quá trình sử dụng;

e) Thực hiện việc sử dụng chung theo văn bản thoả thuận được ký kết với tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông; không được chuyển giao, chia sẻ lại quyền sử dụng chung cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất kỳ hình thức nào; kịp thời hoàn trả hoặc chấm dứt việc sử dụng chung khi hết nhu cầu, hết thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Có trách nhiệm phối hợp hỗ trợ kỹ thuật và khắc phục hư hỏng, thiệt hại (nếu có).

2. Quyền và trách nhiệm của tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung:

a) Tạo điều kiện, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp quyền truy cập hoặc diện tích sử dụng, lắp đặt theo yêu cầu;

b) Tham gia giám sát, kiểm tra quá trình sử dụng nhằm bảo đảm an toàn kỹ thuật, an ninh thông tin, bí mật nhà nước và hoạt động bình thường của công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;

c) Đề xuất biện pháp bảo vệ an toàn thông tin và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định, phương thức sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Căn cứ nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong từng thời kỳ, trên cơ sở trao đổi thống nhất giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an với tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông.

2. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung: mục tiêu, quy mô, phạm vi, thời hạn, tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông, tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông và các nội dung có liên quan khác (nếu có).

3. Căn cứ quyết định quy định tại khoản 2 Điều này, các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này trao đổi, thống nhất với tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông và ký kết Văn bản thoả thuận về việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông.

4. Văn bản thoả thuận quy định tại khoản 3 Điều này là căn cứ triển khai thực hiện việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông. Văn bản thoả thuận gồm các nội dung chính sau:

- a) Tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;
- b) Tổ chức cho sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;
- c) Tên, chủng loại, số lượng và hiện trạng của công trình hạ tầng kỹ thuật, viễn thông được sử dụng chung;
- d) Mục đích, nhu cầu, phạm vi sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;
- đ) Địa điểm, thời hạn sử dụng chung;
- e) Quyền và trách nhiệm của bên cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;
- g) Quyền và trách nhiệm của bên được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;
- h) Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

5. Việc xác định chi phí phát sinh từ việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông để hạch toán, xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Cơ chế hạch toán và xử lý tài chính

1. Chi phí của tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này phát sinh từ việc cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông gồm khấu hao tài sản cố định và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ cho công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được dùng chung. Chi phí này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, trừ trường hợp hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông đó là tài sản công không tính vào thành phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp được loại trừ các chi phí phát sinh từ việc cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Nghị quyết này trong việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, kiểm soát viên của doanh nghiệp.

3. Nhà nước sẽ bố trí kinh phí cho tổ chức cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông trong trường hợp việc sử dụng chung dẫn đến phải đầu tư nâng cấp, nâng công suất, đầu tư xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động bình thường của doanh nghiệp, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi sử dụng chung.

Trường hợp việc cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Nghị quyết này làm quy mô vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không đáp ứng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc làm phát sinh nhu cầu bổ sung vốn để đầu tư nâng cấp, nâng công suất, đầu tư xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an xem xét quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có ảnh hưởng đến công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung, Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an có trách nhiệm hỗ trợ phục hồi, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông bị ảnh hưởng theo quy định sau:

a) Chi trả cho tổ chức sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông đó theo chi phí thực tế để đưa các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung về trạng thái hoạt động bình thường;

b) Sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông dùng chung bị ảnh hưởng để đưa các công trình hạ tầng này về trạng thái hoạt động bình thường.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Việc thanh toán cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng chung để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, bao gồm cả việc thanh toán.

2. Trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội áp dụng cơ chế hạch toán và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Tổ chức đã cho sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Xác định đầy đủ các chi phí phát sinh trong toàn bộ quá trình triển khai đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành để thực hiện thanh, quyết toán với các tổ chức được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông;

b) Điều chỉnh hoặc chấm dứt các thoả thuận đã ký kết trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và ký kết thoả thuận mới theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này; báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an để xử lý theo thẩm quyền khó khăn, vướng mắc (nếu có) phát sinh trong quá trình thực hiện; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị quyết này; tham mưu Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan phối hợp nghiên cứu đề xuất, trình cấp có thẩm quyền để xử lý các văn bản được điều chỉnh bởi Nghị quyết này theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết số 206/2025/QH15.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực sau ngày có hiệu lực của Nghị quyết này có quy định khác thì thực hiện theo quy định tại luật, nghị quyết đó.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp Nghị quyết này có quy định khác với quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng